

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HỮU LŨNG  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HS-ST  
Ngày 14 - 7 - 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Hải Đoàn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn Xuân.

Ông Nguyễn Minh Đức.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vy Thị Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 33/2021/TLST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2021/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Lê Văn Q, sinh ngày 21 tháng 8 năm 1984, tại Bắc Giang. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã A, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Lê T và bà Dương H; có vợ là Trần H và 02 con; tiền án: Có 03 (Bản án số 76/2010/HSST ngày 26/11/2010, của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang, về tội Trộm cắp tài sản; Bản án số 03/2011/HSST ngày 18/01/2011, của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên, về tội Trộm cắp tài sản và Bản án số 08/2019/HSST ngày 01/3/2019, của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang, về tội Trộm cắp tài sản); tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 23/6/2003 bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang, xử phạt 14 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản, án tích đó đã được xoá. Ngày 02/6/2021 bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên, xử phạt 05 năm tù về tội Trộm cắp tài sản; bị cáo bị tạm giam từ ngày 15/12/2020 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

2. Lê Văn N, sinh ngày 10 tháng 6 năm 1991, tại Bắc Giang. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã A, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Lê G và bà Đỗ T; vợ con chưa có; tiền án: Có

01 (Bản án số 08/2019/HSST ngày 01/3/2019, của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang, về tội Trộm cắp tài sản); tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 02/6/2021 bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên, xử phạt 04 năm tù về tội Trộm cắp tài sản; bị cáo bị tạm giam từ ngày 15/12/2020 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

- *Bị hại:* Anh Lý D, chị Hứa D. Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn Q và Lê Văn N là các đối tượng thường đi trộm cắp cùng nhau. Khoảng 07 giờ ngày 12/12/2020, Lê Văn N đề 01 vạm phá khóa, 01 cờ lê vào cốp xe mô tô YAMAHA Sirius biển kiểm soát 98B1-640.84 của N, rồi điều khiển xe đến nhà Lê Văn Q để cùng nhau đi trộm cắp. Khi đến nhà Q, N lấy vạm phá khóa và cờ lê cho vào túi áo khoác bên phải đang mặc rồi chở Q đi, khoảng 09 giờ cùng ngày khi đến chợ Phông, N điều khiển xe mô tô vào trong chợ đi đến cuối đường bê tông thuộc thôn Đập, xã Vân Nham, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, quan sát thấy có nhiều xe mô tô, N dừng lại cho Q xuống xe, đưa vạm phá khóa, cờ lê cho Q để lấy trộm xe, còn N điều khiển xe mô tô đi vòng quanh để quan sát, nếu bị phát hiện sẽ báo cho Q để bỏ chạy. Trong số các xe mô tô, Q lựa chọn chiếc xe mô tô HONDA Wave màu xanh - đen - bạc, biển kiểm soát 12H1-161.96 của vợ chồng anh Lý D và chị Hứa D dựng ở bên phải đường, Q dùng vạm phá khóa và cờ lê để phá khóa điện của xe. Phá khóa xong, Q điều khiển xe mô tô trộm cắp được, N điều khiển xe mô tô của mình cùng về nhà Q để cất giấu chiếc xe trộm cắp được.

Đến ngày 15/12/2020, biết hành vi trộm cắp bị phát hiện, Q và N đã đến Công an huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên để đầu thú, giao nộp các vật chứng liên quan đến nhiều vụ trộm cắp, trong đó có hai chiếc xe mô tô 12H1-161.96 và 98B1-640.84, 01 vạm phá khóa, 01 chiếc cờ lê.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐGTS ngày 08/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Hữu Lũng kết luận: Chiếc xe mô tô HONDA Wave màu xanh - đen - bạc biển kiểm soát 12H1-161.96 tại thời điểm ngày 12/12/2020, có giá 11.000.000 đồng.

Với nội dung vụ án như trên, Cáo trạng số 38/CT-VKS ngày 08 tháng 5 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Lê Văn Q về tội Trộm cắp tài sản, theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Lê Văn N về tội Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Lê Văn Q, Lê Văn N, phạm tội Trộm cắp tài sản. Đề nghị áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 56; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo Lê Văn Q, xử phạt bị cáo tù 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; Điều 56; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo Lê Văn N, xử phạt bị cáo tù 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt của bản án số: 67/2021/HSST ngày 02 tháng 6 năm 2021, của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên, đề buộc các bị cáo phải chịu hình phạt chung của cả hai bản án. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, bị hại không yêu cầu nên không xem xét.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, trong lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về các hành vi, quyết định tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 09 giờ ngày 12/12/2020, tại thôn Đập, xã Vân Nham, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, các bị cáo Lê Văn Q, Lê Văn N đã có hành vi trộm cắp xe mô tô HONDA Wave màu xanh - đen - bạc biển kiểm soát 12H1-161.96, có giá trị 11.000.000 đồng của vợ chồng anh Lý Hồng Dũng và chị Hứa Thị Duyên. Khi thực hiện hành vi phạm tội Lê Văn Q có 03 tiền án chưa được xóa. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Lê Văn Q, theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Lê Văn N, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, quyền này được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu để lén lút chiếm đoạt tài sản, hành vi của các bị cáo đã làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn. Về vai trò của các bị cáo: Xét thấy, đây là vụ án có đồng phạm, nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn, trong đó các bị cáo là những đối tượng thường xuyên cùng nhau đi trộm cắp nên có vai trò như nhau.

[4] Về nhân thân: Các bị cáo đều là người có nhân thân xấu. Trong đó, bị cáo Q đã bị kết án vào các năm 2003 (đã được xóa án tích), 2010, 2011, 2019; bị cáo N bị kết án vào năm 2019 nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân nay lại tiếp tục phạm tội. Do đó, cần phải xử lý nghiêm khắc, cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục các bị cáo có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, đồng thời đảm bảo tính chất răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra các bị cáo đến Công an đầu thú; bị cáo Lê Văn Q có bố được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương; bị cáo Lê Văn N có ông nội và bác ruột là liệt sĩ đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Lê Văn N khi phạm tội có một án tích chưa được xóa nên phải chịu tình tiết tăng nặng tái phạm, quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Tại biên bản xác minh thể hiện các bị cáo không có tài sản nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Xét lời luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, nhân thân và về mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 56; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo Lê Văn Q. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 56; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo Lê Văn N.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Văn Q và Lê Văn N, phạm tội Trộm cắp tài sản.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Lê Văn Q 03 (ba) năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp với hình phạt 05 (năm) năm tù về tội Trộm cắp tài sản tại Bản án số: 67/2021/HSST ngày 02 tháng 6 năm 2021, của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên, buộc bị cáo phải chịu hình phạt chung là 08 (tám) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/12/2020.

2.2. Xử phạt bị cáo Lê Văn N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp với hình phạt 04 (năm) năm tù về tội Trộm cắp tài sản tại Bản án số: 67/2021/HSST ngày 02 tháng 6 năm 2021, của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên, buộc bị cáo phải chịu hình phạt chung là 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/12/2020.

3. Về án phí: Các bị cáo Lê Văn Q, Lê Văn N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Hữu Lũng;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Hữu Lũng;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Hữu Lũng;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Hải Đoàn**